

Adherence, 13; 1325-1334, DOI: 10.2147/PPA.S209532.

9. **Stanca-Patricia Hoge** (2021). Risk factors of chronic obstructive pulmonary disease exacerbations. *The Clinical Respiratory Journal*. Volume14, Issue3. Pages 183-197.

10. **Tzanakis, N., Koulouris, N., Dimakou, K. et al.** (2021). Classification of COPD patients and compliance to recommended treatment in Greece according to GOLD 2017 report: the RELICO study. *BMC Pulm Med* 21, 216 (2021). <https://doi.org/10.1186/s12890-021-01576-6>.

KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ VÀ SỰ TỰ TIN VỀ AN TOÀN NGƯỜI BỆNH CỦA SINH VIÊN KHỐI NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG TẠI ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Mỹ Hiền¹, Phạm Thị Như Quỳnh¹, Trần Quốc Cường²

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Ngày nay, cùng với sự phát triển của y học thì việc phát hiện và điều trị thành công cho nhiều người mắc các bệnh nan y đã có nhiều bước tiến, giúp mang lại sức khỏe, niềm tin cho người bệnh cũng như nâng cao chất lượng cho hệ thống y tế. Tuy nhiên bệnh viện không phải là nơi hoàn toàn an toàn mà đôi khi nó tiềm ẩn những nguy cơ gây nguy hiểm cho người bệnh. Vì vậy, an toàn người bệnh đã và đang trở thành mối quan tâm hàng đầu của ngành Y tế với mục tiêu tối thiểu hóa những tai nạn về sự cố bất lợi, loại bỏ các tác hại có thể phòng ngừa trong quá trình chăm sóc sức khỏe đồng thời tối đa hóa việc khôi phục lại từ các sự cố bất lợi. **Mục tiêu:** Xác định kiến thức, thái độ và sự tự tin về an toàn người bệnh của sinh viên khối ngành Điều dưỡng tại Đại học y dược TPHCM. **Đôi tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang mô tả trên 268 sinh viên năm 3, năm 4 thuộc khối ngành Điều dưỡng năm học 2022 – 2023 tại Đại học Y dược TPHCM. **Kết quả:** Điểm trung bình kiến thức, thái độ và sự tự tin về an toàn người bệnh của sinh viên lần lượt là $0,77 \pm 0,11$; $3,61 \pm 0,39$; $4,29 \pm 0,58$. Nghiên cứu ghi nhận mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa biến kiến thức về an toàn người bệnh với biến niên khóa ($p = 0,03$) và biến tuổi ($r = 0,14$, $p = 0,02$), đồng thời còn xác định được mối liên quan giữa biến thái độ về an toàn người bệnh với biến chuyên ngành đang theo học ($p = 0,01$) và biến đã quan sát các lỗi về an toàn người bệnh ($p = 0,01$), bên cạnh đó nghiên cứu cũng ghi nhận mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa biến sự tự tin về an toàn người bệnh và biến giới tính ($p = 0,01$). Qua phân tích cũng xác định được mối tương quan thuận mạnh giữa biến thái độ và sự tự tin về an toàn người bệnh ($r = 0,62$, $p < 0,001$). **Kết luận:** Các phát hiện trong nghiên cứu đã nhấn mạnh vai trò quan trọng của việc giáo dục, cập nhật kiến thức về an toàn người bệnh, là yếu tố then chốt trong việc cải thiện thái độ

và sự tự tin về an toàn người bệnh khi thực tập tại bệnh viện, giúp cải thiện chất lượng chăm sóc người bệnh cũng như mang đến sự tin tưởng từ người bệnh đối với bệnh viện nói riêng và hệ thống y tế nói chung.

Từ khóa: Kiến thức, thái độ, sự tự tin, an toàn người bệnh.

SUMMARY

KNOWLEDGE, ATTITUDE AND CONFIDENCE OF NURSING STUDENTS ABOUT PATIENT SAFETY AT THE UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY IN HO CHI MINH CITY

Background: Today, along with the development of medicine, the finding out and treatment successfully for hopeless patients has great progress thing help to bring health and faith to patients as well as improve the quality of the health system. However, the hospital is not a completely safe place that sometimes hides dangerous risks for patients. Therefore, the safty patient has become the top concern of the Health with the goal of minimizing the disadvantage accidents, removing harms that can be prevented in during caring progress while maximizing recovery in disadvantage problems. **Objective:** To determine the knowledge, attitude and confidence of nursing students about patient safety at the University of Medicine and Pharmacy in Ho Chi Minh City. **Methods:** A descriptive cross-sectional study on 268 the third- and fourth-year nursing students in the academic year 2022-2023 at University of Medicine and Pharmacy in Ho Chi Minh City. **Results:** The average score of students' knowledge, attitude and confidence in patient safety was 0.77 ± 0.11 respectively; 3.61 ± 0.39 ; 4.29 ± 0.58 . The study found a statistically significant relationship between the knowledge variable of patient safety and the age variable ($p = 0.03$) and the age variable ($r = 0.14$, $p = 0.02$), and at the same time determined the relationship between the attitudinal variable about patient safety and the specialized variable being studied ($p = 0.01$) and the variable observed errors on human safety. disease ($p = 0.01$), besides that the study also recorded a statistically significant relationship between the patient confidence variable and the gender variable ($p = 0.01$). The analysis also identified a strong positive correlation between attitude variable and confidence in patient safety ($r =$

¹Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

²Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thị Mỹ Hiền

Email: hienduc1081@ump.edu.vn

Ngày nhận bài: 10.7.2023

Ngày phản biện khoa học: 24.8.2023

Ngày duyệt bài: 19.9.2023

0.62, $p < 0.001$). **Conclusion:** The findings in the study emphasized that the important role of education about updating patient safety knowledge thing plays a key factor in improving attitudes and confidence about patient safety while practicing at the hospital, help to improve the quality of caring patient as well as bring the trust from patients to the hospital in particular and the health system in general. **Keywords:** Knowledge, attitude, confidence, patient safety.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo các chuyên gia thì thách thức hàng đầu của ngành y tế đó là phải bảo đảm cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe mang lại an toàn cho người bệnh tuy nhiên có một hiện thực rằng bệnh viện không phải là nơi hoàn toàn an toàn mà đôi khi nó tiềm ẩn những nguy cơ gây nguy hiểm cho người bệnh. Theo Tổ chức y tế Thế giới (WHO), một dịch vụ y tế chất lượng thì phải hiệu quả, an toàn và lấy con người làm trung tâm, để đạt được điều đó cần xây dựng một nguyên tắc chung cho toàn bộ hệ thống và nhân viên y tế⁽⁸⁾. Và theo Cơ quan Nghiên cứu và Quản lý Chất lượng chăm sóc sức khỏe (Agency for Healthcare Research and Quality – AHRQ), an toàn người bệnh (ATNB) liên quan đến việc ngăn ngừa và giảm thiểu tác hại do sai sót hoặc thiếu sót trong chăm sóc sức khỏe gây ra, giúp tối thiểu hóa các sự cố cũng như tối đa hóa sự phục hồi từ các sự cố, đồng thời được xem là một môn học trong khoa học quản lý gồm các nguyên lý chính về an toàn người bệnh như cách tiếp cận hệ thống, văn hóa không buộc tội, tư duy, yếu tố con người vào môi trường làm việc tạo nên một hệ thống khó mắc lỗi và tạo nên văn hóa an toàn người bệnh⁽¹⁾.

Tổ chức y tế Thế giới (WHO), đã nhận định sinh viên cần phải nắm rõ về ATNB, các nguyên nhân và yếu tố dẫn đến những sự cố bất lợi đồng thời cần phải biết tầm quan trọng của việc cập nhật kiến thức đúng về ATNB. Sinh viên sẽ là lực lượng nòng cốt trong việc xây dựng một văn hóa an toàn người bệnh trong tương lai⁽⁷⁾. Và việc cập nhật các kiến thức, thái độ đúng về ATNB phải được thực hiện ngay khi sinh viên còn đang ngồi trên ghế nhà trường để sinh viên có những nền tảng vững chắc và có được sự tự tin khi thực hành trên lâm sàng.

Tại Việt Nam, tuy đã có nhiều nghiên cứu về an toàn người bệnh nhưng vẫn chưa có những nghiên cứu trên đối tượng sinh viên đặc biệt là sinh viên khối ngành Điều dưỡng đang thực tập tại bệnh viện. Để có một cái nhìn khách quan về kiến thức, thái độ, sự tự tin của sinh viên về an toàn người bệnh, nhằm cung cấp các bằng chứng khoa học phục vụ cho kế hoạch đào tạo,

cập nhật kiến thức cho sinh viên, thì nghiên cứu đã được tiến hành.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu. Nghiên cứu trên sinh viên thuộc khối ngành Điều dưỡng tại khoa Điều dưỡng- Kỹ thuật Y học năm 3, năm 4 của năm học 2022 – 2023.

Tiêu chuẩn chọn vào. Sinh viên khối ngành Điều dưỡng năm 3 và năm 4 tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

Sinh viên đã và đang thực hành tại bệnh viện
Sinh viên đồng ý tham gia nghiên cứu

Tiêu chuẩn loại ra

Sinh viên chưa đăng kí học phần thực tập
Sinh viên bỏ học, bị đình chỉ thời học
Sinh viên từ chối tham gia nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu. Nghiên cứu cắt ngang mô tả từ tháng 02/2023 đến tháng 06/2023

Kỹ thuật chọn mẫu. Cỡ mẫu được tính theo công thức ước lượng một trung bình với cỡ mẫu tối thiểu là 268 sinh viên.

Kỹ thuật chọn mẫu theo phương pháp phân tầng kết hợp với phương pháp chọn mẫu thuận tiện

Bộ công cụ

Công cụ thu thập dữ liệu gồm 2 phần:

Phần I: Thông tin nền của đối tượng tham gia nghiên cứu: 9 câu

Phần II: Kiến thức, thái độ và sự tự tin về an toàn người bệnh gồm 39 câu,

trong đó:

- Kiến thức của sinh viên về an toàn người bệnh: 13 câu

- Thái độ của sinh viên về an toàn người bệnh: 16 câu

- Sự tự tin của sinh viên về an toàn người bệnh: 10 câu

Xử lý và phân tích số liệu. Số liệu sau khi thu thập sẽ được kiểm tra lại về tính phù hợp và đầy đủ. Sau đó, số liệu được nhập vào máy tính bằng phần mềm Epidata 3.1, tiến hành mã hóa và xử lý số liệu được thực hiện bằng phần mềm thống kê Stata 17.0

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đặc điểm kiến thức, thái độ và sự tự tin về an toàn người bệnh. Dựa trên đánh giá sinh viên trả lời đúng các câu trong bộ câu hỏi về kiến thức ATNB, thu được tỉ lệ sinh viên trả lời đúng là 72,96%. Bên cạnh đó điểm trung bình thái độ, sự tự tin về ATNB được đánh giá theo thang đo Likert 5 mức độ. Kết quả chi tiết được thể hiện qua bảng 1

Bảng 1. Điểm trung bình kiến thức, thái độ và sự tự tin về ATNB

	Mean ± SD	Min	Max	KTC 95%
Điểm trung bình kiến thức về ATNB	0,77 ± 0,11	0,27	1	0,75 – 0,78
Điểm trung bình thái độ về ATNB	3,61 ± 0,39	1,06	5	3,56 – 3,65
Điểm trung bình sự tự tin về ATNB	4,29 ± 0,58	1	5	4,22 – 4,36

Mối liên quan giữa biến kiến thức, thái độ và sự tự tin về an toàn người bệnh

Bảng 2. Mối liên quan giữa 3 biến kiến thức, thái độ và sự tự tin về ATNB

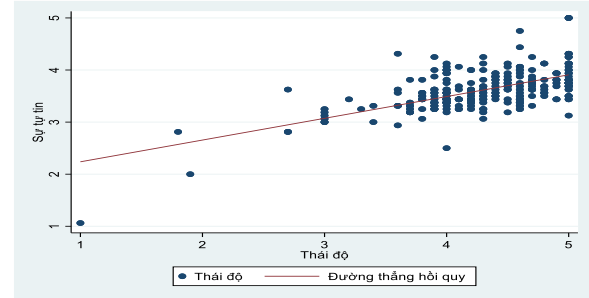
	Kiến thức về ATNB r (p)	Thái độ về ATNB r (p)	Sự tự tin về ATNB r (p)
Kiến thức về ATNB	1		

Bảng 3. Mối liên quan giữa biến kiến thức, thái độ và sự tự tin về ATNB với đặc tính nền của mẫu

	Kiến thức về ATNB		Thái độ về ATNB		Sự tự tin về ATNB		
	Mean ± SD	p	Mean ± SD	p	Mean ± SD	p	
Tuổi	0,14 ^r	0,02***	-0,03 ^r	0,61***	0,05 ^r	0,36***	
Giới tính							
Nam	0,78 ± 0,11	0,64*	3,57 ± 0,44	0,42*	4,03 ± 0,63	0,01*	
Nữ	0,77 ± 0,11		3,62 ± 0,39		4,33 ± 0,57		
Niên khóa							
Năm 3	0,75 ± 0,09	0,03*	3,63 ± 0,46	0,46*	4,27 ± 0,61	0,57*	
Năm 4	0,78 ± 0,11		3,59 ± 0,31		4,31 ± 0,56		
Chuyên ngành đang theo học							
Điều dưỡng	0,76 ± 0,10	0,64***	3,53 ± 0,36	0,01*	4,27 ± 0,61	0,76**	
Điều dưỡng chuyên ngành Hộ sinh	0,76 ± 0,12		3,69 ± 0,47		4,33 ± 0,62		
Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê Hồi sức	0,77 ± 0,09		3,66 ± 0,39		4,29 ± 0,51		
Đã biết về ATNB							
Có	0,77 ± 0,11	0,15*	3,62 ± 0,39	0,13*	4,29 ± 0,58	0,45*	
Không	0,69 ± 0,11		3,31 ± 0,29		4,07 ± 0,78		
Đã được học về ATNB							
Có	0,77 ± 0,11	0,68*	3,63 ± 0,39	0,09*	4,29 ± 0,58	0,38*	
Không	0,78 ± 0,11		3,45 ± 0,32		4,16 ± 0,61		
Nhu cầu đào tạo nâng cao chuyên ngành về ATNB							
Có	0,77 ± 0,11	0,84*	3,63 ± 0,38	0,06*	4,29 ± 0,57	0,71*	
Không	0,77 ± 0,10		3,51 ± 0,42		4,26 ± 0,61		
Đã quan sát về các lỗi của ATNB							
Có	0,77 ± 0,10	0,053*	3,63 ± 0,39	0,01*	4,31 ± 0,57	0,05*	
Không	0,73 ± 0,11		3,36 ± 0,29		4,04 ± 0,65		
Nguồn thông tin cập nhật về kiến thức ATNB							
Nhà trường (sách, bài giảng)	Có	0,77 ± 0,10	0,38*	3,62 ± 0,39	0,81*	4,29 ± 0,58	0,86*
	Không	0,73 ± 0,10		3,57 ± 0,35		4,25 ± 0,31	
Tạp chí, tài liệu nghiên cứu, y văn	Có	0,77 ± 0,10	0,96*	3,64 ± 0,37	0,19*	4,29 ± 0,58	0,97*
	Không	0,76 ± 0,11		3,57 ± 0,43		4,29 ± 0,59	
Internet	Có	0,76 ± 0,10	0,79*	3,59 ± 0,38	0,12*	4,31 ± 0,61	0,46*
	Không	0,76 ± 0,11		3,69 ± 0,43		4,23 ± 0,45	

Thái độ về ATNB	-0,01 (0,95)	1	
Sự tự tin về ATNB	0,03 (0,61)	0,62 (<0,001)	1

Mối liên quan giữa biến kiến thức, thái độ và sự tự tin về an toàn người bệnh với đặc tính nền của mẫu nghiên cứu



Sơ đồ 1. Mối tương quan giữa biến thái độ và sự tự tin về an toàn người bệnh

Bạn bè	Có	0,76 ± 0,11	0,55*	3,62 ± 0,37	0,36*	4,31 ± 0,59	0,58*
	Không	0,77 ± 0,09		3,58 ± 0,43		4,26 ± 0,57	

*: Phép kiểm t, **: Phép kiểm ANOVA, r: Hệ số tương quan r, ***: tương quan Pearson

IV. BÀN LUẬN

Điểm trung bình kiến thức về ATNB được ghi nhận từ nghiên cứu là $0,77 \pm 0,11$. (KTC 95%: $0,75 - 0,78$) (bảng 1). Kết quả khá tương đồng với nghiên cứu của Jin Sil Im và cộng sự⁽⁵⁾ ghi nhận điểm trung bình $6,99/10$ (SD = 1,40).

Điểm trung bình thái độ về ATNB được ghi nhận từ nghiên cứu là $3,61 \pm 0,39$ (KTC 95%: $3,56 - 3,65$) (bảng 1), kết quả này thấp hơn nghiên cứu của Park Jeonghye, Park Myonghwa⁽⁴⁾ ($3,77$ điểm) và nghiên cứu của Seok-Young Han⁽⁶⁾ ($3,76 \pm 0,42$). Sự khác biệt có thể là do khác nhau về cỡ mẫu, phương pháp phân tích số liệu khác nhau đồng thời mỗi sinh viên sẽ có một thái độ khác nhau khi thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe người bệnh

Điểm trung bình sự tự tin về ATNB là $4,29 \pm 0,58$ (KTC 95%: $4,22 - 4,36$) (bảng 1), kết quả cao hơn nghiên cứu của Park Jeonghye, Park Myonghwa⁽⁴⁾ ($3,85/5$ điểm) và nghiên cứu của Seok-Young Han⁽⁶⁾ ($3,92 \pm 0,38$). Sự khác biệt này có thể là do thời gian đi thực tập của mỗi sinh viên là khác nhau, mỗi sinh viên có thể có những cách áp dụng lý thuyết khác nhau, đồng thời cũng có những cách khác nhau để giải quyết các vấn đề gặp phải trong quá trình thực tập tại bệnh viện.

Nghiên cứu không ghi nhận có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa biến kiến thức về ATNB với hai biến thái độ về ATNB ($r = -0,01$, $p = 0,95$) (bảng 2), biến sự tự tin về ATNB ($r = 0,03$, $p = 0,61$) (bảng 2), nghiên cứu của Choi Seung-hye và cộng sự⁽³⁾ cũng đã chỉ ra rằng kiến thức về ATNB không ảnh hưởng trực tiếp đến sự tự tin khi thực hành lâm sàng ở sinh viên tuy nhiên nghiên cứu nhấn mạnh rằng khi sinh viên nhận thức được tầm quan trọng về ATNB thì sẽ có sự thay đổi thái độ và sự tự tin tích cực hơn trong quá trình thực tập lâm sàng. Một nghiên cứu khác của Mehrdad Askarian và cộng sự⁽²⁾ đã ghi nhận đối tượng nghiên cứu có điểm trung bình kiến thức ($6,85 \pm 1,08$, điểm tối đa 9), điểm trung bình thái độ ($33,89 \pm 3,19$, điểm tối đa 45) tương đối tốt tuy nhiên điểm trung bình sự tự tin thấp ($3,57 \pm 1,81$, điểm tối đa 9) và nghiên cứu cũng chỉ ra rằng sự gia tăng kiến thức không liên quan trực tiếp đến sự thay đổi hành vi. Từ đó có thể ghi nhận rằng những sinh viên có kiến thức tốt chưa chắc có thái độ tốt cũng như có được sự tự tin khi thực hành lâm sàng. Tuy nhiên, việc

cập nhật các kiến thức mới nhất về ATNB là rất quan trọng vì nó giúp sinh viên nâng cao kỹ năng và kinh nghiệm của mình, từ đó có thể cải thiện chất lượng chăm sóc người bệnh bằng cách giảm thiểu tỷ lệ các sự cố y tế và cải thiện kết quả điều trị. Bên cạnh đó khi sinh viên được đào tạo về ATNB sẽ giúp nhận biết các nguy cơ và các kỹ thuật phòng ngừa để tránh các tai nạn liên quan đến y tế xảy ra với người bệnh, giúp quá trình làm việc hiệu quả, tránh mất thời gian và vật liệu y tế. Qua phân tích, nghiên cứu ghi nhận có mối tương quan thuận mạnh giữa biến thái độ về ATNB với biến sự tự tin về ATNB ($r = 0,62$, $p < 0,001$) (bảng 2) được thể hiện qua phương trình hồi quy:

Sự tự tin = 1,82 + 0,42* Thái độ.

Phương trình cho thấy rằng khi biến thái độ về ATNB tăng thêm 1 đơn vị thì biến sự tự tin về ATNB tăng thêm 0,42 đơn vị. Thái độ là một yếu tố độc lập ảnh hưởng lên sự tự tin của sinh viên. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Park Jeonghye, Park Myonghwa⁽⁴⁾ ($r = 0,425$, $p < 0,001$). Khi sinh viên có thái độ và sự tự tin tốt về ATNB, có thể tuân thủ các quy trình liên quan đến an toàn và đảm bảo sự an toàn cho người bệnh trong quá trình chăm sóc. Việc tạo ra môi trường chăm sóc an toàn là điều cực kỳ quan trọng vì có thể giảm nguy cơ tai nạn liên quan đến y tế trong quá trình thăm khám và điều trị. Đồng thời sinh viên có thái độ và sự tự tin tốt thường có trách nhiệm cao và thực hiện nhiệm vụ của mình một cách chính xác, điều này giúp giảm thiểu rủi ro pháp lý cho các cơ sở y tế.

V. KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu khảo sát về kiến thức, thái độ và sự tự tin về ATNB ở sinh viên khối ngành Điều dưỡng, có thể góp phần khái quát hóa và đưa ra nhìn nhận ban đầu về vấn đề này, làm nền tảng cho nhiều nghiên cứu khác phát triển sâu rộng hơn. Tất cả đều nhằm hướng đến mục đích sau cùng là nâng cao sự an toàn cho người bệnh trong môi trường bệnh viện luôn chứa nhiều những nguy cơ gây hại đến sức khỏe trong quá trình chăm sóc và điều trị.

Nghiên cứu thu được điểm trung bình kiến thức, thái độ và sự tự tin về an toàn người bệnh của sinh viên lần lượt là $0,77 \pm 0,11$; $3,61 \pm 0,39$; $4,29 \pm 0,58$. Các kết quả trên đều phù hợp với nhiều nghiên cứu về an toàn người bệnh ở trên Thế Giới

VI. KIẾN NGHỊ

Nghiên cứu đã chỉ ra rằng tầm quan trọng của kiến thức đối với thái độ và sự tự tin khi thực hành lâm sàng, ngoài ra nghiên cứu còn cung cấp thêm cơ sở dữ liệu để có thể nhìn nhận lại mức độ nhận thức của sinh viên về ATNB từ đó có thể phân tích và đánh giá các chương trình giảng dạy hiện có để đưa ra những điểm mạnh, điểm yếu của từng chương trình đồng thời đề xuất ra các khuyến nghị để cải thiện chất lượng đào tạo cho sinh viên

Bên cạnh đó sinh viên cũng nên xây dựng cho mình một nền tảng kiến thức đúng về ATNB cũng như một thái độ tốt đồng thời luôn tự tin trong quá trình thực hành lâm sàng. Bởi vì khi sinh viên có kiến thức và kỹ năng đầy đủ về ATNB, sẽ dễ dàng phát hiện và giảm thiểu các tình huống nguy hiểm cho người bệnh, điều này giúp ngăn ngừa các tình huống xấu và giữ cho người bệnh được an toàn. ATNB được xem như một khía cạnh quan trọng trong quá trình chăm sóc người bệnh và đòi hỏi sự cẩn trọng và kiên nhẫn trong từng giai đoạn. Vì vậy, khi sinh viên đảm bảo an toàn của người bệnh, sẽ giúp nâng cao kỹ năng và đạt được sự tự tin trong quá trình thăm khám, điều trị.

Bởi vì đây chỉ là nghiên cứu cắt ngang trong một khoảng thời gian do đó vẫn chưa cung cấp đầy đủ các vấn đề liên quan tới ATNB tồn tại ở sinh viên. Vì vậy nên có một nghiên cứu can thiệp giữa hai nhóm đối tượng được tập huấn và không được tập huấn về kiến thức ATNB. Sau đó, so sánh kết quả giữa hai nhóm nhằm phân

tích hiệu quả của quá trình tập huấn. Đồng thời có thể tìm hiểu sâu hơn về các yếu tố khác nhau trong môi trường lâm sàng ảnh hưởng đến thái độ, sự tự tin khi sinh viên thực hiện quá trình chăm sóc người bệnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Agency for Healthcare Research and Quality, Patient Safety 101**, 2019. URL: <https://psnet.ahrq.gov/primer/patient-safety-101>
2. **Askarian Mehrdad ZAM, Ashraf A. Khan.** Knowledge, Practice, and Attitude Among Iranian Nurses, Midwives, and Students Regarding Standard Isolation Precautions, *Chicago Journals*, 28(2):241 - 244.
3. **Hye Seung Choi, Haeyoung Lee.** Effect on Patient Safety Management Practices in Clinical Practice of Nursing Students, *Journal of Nursing Administration*, 2015, 21(2):184-192.
4. **Jeonghye Park, Myonghwa.** Knowledge, Attitude, and Confidence on Patient Safety of Undergraduate Nursing Students, *The Journal of Korean Academic Society of Nursing Education*, 2014, 20:5-14
5. **Sil Im Jin, Hee Jin Lee.** The Factors Affecting Self-Confidence in Performing, *Journal of the Korean Applied Science and Technology*, 2021, 38(1):88-98.
6. **Young Seok Han.** A study on patient safety management's knowledge, attitude, confidence in performance, and practice during pediatric-adolescent nursing clinical practice, *Journal of medical pharmaceutical and allied sciences*, 2021, 10(4):3160-3166.
7. **World Health Organization.** Executive Board 109th session, provisional agenda item 3.4, 2021
8. **World Health Organization.** Patient Safety, 2019 URL: <https://www.who.int/news-room/factsheets/detail/patient-safety>

NGHIÊN CỨU TÌNH HÌNH KÊ ĐƠN THUỐC KHÁNG SINH, CORTICOID, VITAMIN ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN KẾ SÁCH-TỈNH SÓC TRĂNG NĂM 2022

Đỗ Hoàng Miên Em¹, Huỳnh Thị Mỹ Duyên²

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Sử dụng thuốc kháng sinh, corticoid, vitamin đang là vấn đề rất được quan tâm của các nước trên thế giới trong đó có Việt Nam. Việc kê đơn

không hợp lý các thuốc nhóm trên có thể gây bất lợi đến sức khỏe bệnh nhân và tăng chi phí khám chữa bệnh, tạo gánh nặng cho người bệnh, gia đình và cộng đồng. Một số nghiên cứu đã chứng minh có nhiều yếu tố liên quan thuộc về người kê toa hoặc người bệnh hoặc các yếu tố liên quan cơ sở điều trị... trong đó ở mỗi quốc gia, mỗi địa phương trong mỗi quốc gia có sự khác nhau. **Mục tiêu nghiên cứu:** Xác định tỷ lệ kê đơn thuốc kháng sinh, corticoid, vitamin chưa hợp lý trong điều trị nội trú tại trung tâm y tế huyện Kế Sách năm 2022 và tìm hiểu một số yếu tố liên quan. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang mô tả trên 366 hồ sơ bệnh án có sử dụng ít nhất 1 trong 3 loại thuốc kháng

¹Trung tâm Y tế Huyện Kế Sách

²Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

Chịu trách nhiệm chính: Huỳnh Thị Mỹ Duyên

Email: htmduyen@ctump.edu.vn

Ngày nhận bài: 12.7.2023

Ngày phản biện khoa học: 24.8.2023

Ngày duyệt bài: 19.9.2023